

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1,023,645,214,330	424,367,696,511
			-	
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1,599,509,536	80,940,917,709
1.	Tiền	111	1,599,509,536	80,940,917,709
2.	Các khoản tương đương tiền	112	-	-
			-	
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	-	-
			-	
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	960,928,231,449	305,011,922,755
1.	Phải thu khách hàng	131	142,967,895,912	19,808,419,903
2.	Trả trước cho người bán	132	613,622,923,954	135,195,225,885
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	204,337,411,583	150,008,276,967
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	-	-
			-	
IV.	Hàng tồn kho	140	56,200,450,302	37,414,864,384
1.	Hàng tồn kho	141	56,200,450,302	37,414,864,384
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
			-	
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	4,917,023,043	999,991,663
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	204,164,000
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	597,371,066	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	1,644,249	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	4,318,007,728	795,827,663

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	366,796,201,745	248,054,688,190
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210	192,856,000	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	192,856,000	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II.	Tài sản cố định	220	181,529,257,986	98,860,137,219
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	16,791,291,763	13,028,605,573
	Nguyên giá	222	21,043,146,923	14,246,852,695
	Giá trị hao mòn lũy kế	223	(4,251,855,160)	(1,218,247,122)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
	Nguyên giá	225	-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	163,930,665,951	51,934,231,374
	Nguyên giá	228	203,134,087,853	68,931,372,942
	Giá trị hao mòn lũy kế	229	(39,203,421,902)	(16,997,141,568)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	807,300,272	33,897,300,272
III.	Bất động sản đầu tư	240	-	-
	Nguyên giá	241	-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	184,299,820,621	147,713,760,621
1.	Đầu tư vào công ty con	251	147,713,760,621	147,713,760,621
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	36,586,060,000	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260	774,267,138	1,480,790,350
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	494,194,367	1,007,861,579
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	280,072,771	280,072,771
3.	Tài sản dài hạn khác	268	-	192,856,000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1,390,441,416,075	672,422,384,701

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300	918,825,502,968	273,780,607,160
I. Nợ ngắn hạn		310	913,306,489,968	268,415,688,475
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	529,156,450,790	153,406,000,000
2. Phải trả người bán		312	39,043,296,967	23,995,271,514
3. Người mua trả tiền trước		313	145,119,092,892	24,654,393,067
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	33,278,878,584	23,384,685,315
5. Phải trả người lao động		315	288,810,526	574,720,000
6. Chi phí phải trả		316	12,171,516,605	11,139,055,917
7. Phải trả nội bộ		317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	154,248,443,604	31,261,562,662
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320	-	-
II. Nợ dài hạn		330	5,519,013,000	5,364,918,685
1. Phải trả dài hạn người bán		331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	5,076,725,000	4,922,630,685
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	442,288,000	442,288,000
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337	-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	471,615,913,107	398,641,777,541
I. Vốn chủ sở hữu		410	471,615,913,107	398,641,777,541
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	119,100,000,000	119,100,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	219,440,000,000	219,440,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	133,075,913,107	60,101,777,541
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430	-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		431	-	-
2. Nguồn kinh phí		432	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433	-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		500	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440	1,390,441,416,075	672,422,384,701

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

TP.HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Huế

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	852,840,482,563	613,365,327,859
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4,674,286,250	3,587,845,442
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	848,166,196,313	609,777,482,417
4.	Giá vốn hàng bán	11	618,877,750,961	464,822,505,860
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	229,288,445,352	144,954,976,557
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	885,233,408	317,272,484
7.	Chi phí tài chính	22	64,863,820,309	8,687,698,540
	Trong đó: chi phí lãi vay	23	64,375,222,959	8,687,698,540
8.	Chi phí bán hàng	24	13,362,792,035	9,650,753,722
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	48,890,792,991	17,786,470,300
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	103,056,273,425	109,147,326,479
11.	Thu nhập khác	31	27,456,898	204,972,578
12.	Chi phí khác	32	13,792,455	1,754,113,526
13.	Lợi nhuận khác	40	13,664,443	(1,549,140,948)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	103,069,937,868	107,598,185,531
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30,375,875,073	18,253,976,189
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	280,072,771	167,286,822
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	72,974,135,566	89,176,922,520
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		

TP.HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thị Thanh Huế

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIÊN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Quý 4 năm 2010	Lũy kế năm nay	Quý 4 năm 2009	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	98,013,323,190	852,840,482,563	236,495,630,440	613,365,327,859
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2,548,256,246	4,674,286,250	625,813,395	3,587,845,442
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	95,465,066,944	848,166,196,313	235,869,817,045	609,777,482,417
4. Giá vốn hàng bán	66,310,385,103	618,877,750,961	175,405,498,300	464,822,505,860
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29,154,681,841	229,288,445,352	60,464,318,745	144,954,976,557
6. Doanh thu hoạt động tài chính	40,684,713	885,233,408	249,006,791	317,272,484
7. Chi phí tài chính	25,378,267,896	64,863,820,309	2,426,955,170	8,687,698,540
Trong đó: chi phí lãi vay	25,406,300,746	64,375,222,959	2,426,955,170	8,687,698,540
8. Chi phí bán hàng	1,522,937,560	13,362,792,035	2,651,816,621	9,650,753,722
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18,386,133,586	48,890,792,991	6,160,967,542	17,786,470,300
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(16,091,972,488)	103,056,273,425	49,473,586,203	109,147,326,479
11. Thu nhập khác	13,466	27,456,898	(996,147,678)	204,972,578
12. Chi phí khác	18,750	13,792,455	1,192,887,523	1,754,113,526
13. Lợi nhuận khác	(5,284)	13,664,443	(2,189,035,201)	(1,549,140,948)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(16,091,977,772)	103,069,937,868	47,284,551,002	107,598,185,531
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	30,375,875,073	7,699,090,146	18,253,976,189
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(305,323,392)	280,072,771	167,286,822	167,286,822
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(16,397,301,164)	72,974,135,566	39,418,174,034	89,176,922,520
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số (lỗ)	-	-	-	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(16,397,301,164)	72,974,135,566	39,418,174,034	89,176,922,520
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu				

TP.HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		103,069,937,868	107,598,185,531
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
-	Khấu hao tài sản cố định	02		25,239,888,372	8,165,776,610
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(26,671,302)
-	Chi phí lãi vay	06		64,375,222,959	8,687,698,540
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		192,685,049,199	124,424,989,379
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(645,790,169,230)	(233,521,165,718)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18,785,585,918)	212,595,439
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		269,140,350,703	33,380,926,223
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		717,831,212	844,314,135
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(53,962,291,998)	(8,672,102,301)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(18,221,732,200)	(3,256,694,507)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(274,216,548,232)	(86,587,137,350)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(107,909,009,139)	(75,956,731,495)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	90,909,091
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(75,292,860,000)	(102,326,500,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		885,233,408	317,272,484
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(182,316,635,731)	(177,875,049,920)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

0

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					-
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả mua CP Lili cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	241,500,000,000
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,154,700,000,000	336,607,280,000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(777,508,224,210)	(224,730,827,625)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(8,910,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40		377,191,775,790	344,466,452,375
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50		(79,341,408,173)	80,004,265,105
Tiền và tương đương tiền đầu năm		60		80,940,917,709	936,652,604
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm		70		1,599,509,536	80,940,917,709

TP.HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Huê

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

BÁO CÁO CÔNG TY MẸ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****1. Thông tin doanh nghiệp**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002430 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 23 tháng 6 năm 2004 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 15 tháng 12 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 6 tháng 9 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 25 tháng 11 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 9 tháng 5 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 12 tháng 10 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 13 tháng 2 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 3 tháng 5 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 3 tháng 7 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 8 tháng 9 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 5 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 28 tháng 1 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 16 tháng 5 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 12 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 09 tháng 08 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	Ngày 16 tháng 09 năm 2010

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực mua bán dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, bao bì, trang thiết bị, dụng cụ vật tư y tế và hóa chất (trừ các hóa chất có tính độc hại mạnh).

Công ty có trụ sở chính tại 411 đường Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 255 người.

Cơ cấu

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Công ty tại ngày lập báo cáo này như sau:

- ▶ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Dược phẩm Viễn Đông, Hà Nội ("Viễn Đông Hà Nội" hoặc "VDHN"):

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

BÁO CÁO CÔNG TY MẸ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0103004626, do Bộ Kế hoạch Đầu tư Hà Nội ("DPIHN") cấp vào ngày 21 tháng 6 năm 2004. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty nắm giữ 100% vốn cổ phần trong công ty con này.

- ▶ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Dược phẩm Viễn Đông, Đà Nẵng ("Viễn Đông Đà Nẵng" hoặc "VDDN"):

Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3203001328, do Bộ Kế hoạch Đầu tư Đà Nẵng ("DPIDN") cấp vào ngày 7 tháng 3 năm 2007. Tại ngày lập báo cáo tài chính, VDDN có một chi nhánh hạch toán phụ thuộc ở thành phố Huế. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty nắm giữ 100% vốn cổ phần trong công ty con này.

- ▶ Công ty Cổ phần Liên doanh Lili of France ("Lili of France"):

Công ty này được thành lập theo Giấy phép đầu tư Công ty Cổ phần số 212032.000077 do Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh ("BOMIZ") cấp vào ngày 1 tháng 11 năm 2007. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty nắm giữ 97% vốn cổ phần trong công ty con này.

- ▶ Công ty Cổ phần Dược Sa Vi :

Công ty liên kết này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003698 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hồ Chí Minh cấp dưới hình thức công ty cổ phần vào ngày 3 tháng 8 năm 2005. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty nắm giữ 20.74% vốn cổ phần trong công ty liên kết này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông là công ty mẹ của các công ty con và công ty liên kết được trình bày trong thuyết minh số 1 (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"). Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho giai đoạn 12 tháng kết thúc cùng ngày đã được phát hành riêng phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Người sử dụng nên đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của toàn Tập đoàn.

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM VIÊN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

BÁO CÁO CÔNG TY MẸ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các Chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực từ năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 trở đi. Ban Giám đốc của Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến các báo cáo tài chính riêng của Công ty trong tương lai.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM VIÊN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

BÁO CÁO CÔNG TY MẸ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Quyền sử dụng đất

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM VIÊN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

BÁO CÁO CÔNG TY MẸ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Quyền sử dụng đất, có thời hạn hoặc vô thời hạn, được ghi nhận là tài sản vô hình trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất (21.955 m ²)	47 năm
Các quyền sử dụng đất còn lại	vô thời hạn
Bản quyền, bằng sáng chế	5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Máy móc và thiết bị	4 năm
Phương tiện vận tải	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

3.7 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể được hạch toán theo phương pháp giá gốc.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng. Phần sở hữu khác của nhà đầu tư ngoài lợi nhuận của công ty liên kết được xem như khoản thu hồi của các khoản đầu tư và được cân trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM VIÊN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

BÁO CÁO CÔNG TY MẸ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty chi trả bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định 127/2008/ND-CP ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2008.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong kỳ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") như sau:

Nghệp vụ	VAS 10	Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Nghệp vụ	VAS 10	Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch	Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM VIÊN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

BÁO CÁO CÔNG TY MẸ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

có gốc ngoại tệ.	toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.	kinh doanh. Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng năm năm tiếp theo.
------------------	--	--

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

BÁO CÁO CÔNG TY MẸ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	112.219.685	791.310.741
Tiền gửi ngân hàng	1.487.289.851	801.496.069
Cộng	1.599.509.536	80.940.917.709

4.2 Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Phil Tnterphama	6.814.678.952	
Công ty CP Dược Phẩm Savi	48.775.972.875	6.200.816.535
Công ty CP Liên doanh Lily pháp	530.682.279.974	92.560.783.663
EU Pharma Trading Co.,Ltd	556.476.051	32.404.026.150
Công ty CP đầu tư y tế Medi	15.000.000.000	
Các khách hàng khác	11.793.516.102	4.029.599.537
Cộng	613.622.923.954	135.195.225.885

4.3 Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	3.503.049.897	16.916.201.751
Hàng gửi đi bán		795.441.366
Hàng hóa	52.697.400.405	19.703.221.267
Cộng	56.200.450.302	37.414.864.384

4.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng trong kỳ và chi phí thuê nhà, thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Số dư đầu năm	204.164.000
Tăng trong năm	0
Kết chuyển vào chi phí hoạt động trong năm	204.164.000
Kết chuyển giảm khác	0
Số dư cuối kỳ	0

4.5 Thuế và các khoản phải trả Nhà Nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các loại thuế khác	2.295.053.243	3.988.578.406
Thuế TNDN	30.983.825.341	19.396.106.909
Cộng	33.278.878.584	23.384.685.315

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM VIÊN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

BÁO CÁO CÔNG TY MẸ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

4.6 Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng khác	3.661.051.728	626.645.663
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	656.956.000	169.182.000
Cộng	4.318.007.728	795.827.663

4.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	12.409.087.629	1.837.765.066	14.246.852.695
Đầu tư mới trong năm	1.527.865.880	5.268.428.348	6.796.294.228
Giảm trong năm			
Số cuối kỳ	13.936.953.509	7.106.193.414	21.043.146.923
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	(748.733.443)	(469.513.679)	(1.218.247.122)
Khấu hao trong năm			(3.033.608.038)
Số cuối kỳ			(4.251.855.160)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	11.660.354.186	1.368.251.387	13.028.605.573
Số cuối kỳ			16.791.291.763

4.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm		68.931.372.942	68.931.372.942
Đầu tư mới trong năm	38.695.295.000	95.507.419.911	134.202.714.911
Giảm trong năm			
Số cuối kỳ	38.695.295.000	164.438.792.853	203.134.087.853
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		(16.997.141.568)	(16.997.141.568)
Khấu hao trong năm		(22.206.280.334)	(22.206.280.334)
Giảm trong năm			
Số cuối kỳ	-	(39.203.421.902)	(39.203.421.902)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm		51.934.231.374	51.934.231.374
Số cuối kỳ	38.695.295.000	125.235.370.951	193.930.665.951

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

BÁO CÁO CÔNG TY MẸ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****4.9 Chi phí trả trước dài hạn**

Chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng trong kỳ và chi phí thuê nhà

Số dư đầu năm	1.007.861.579
Tăng trong năm	
Kết chuyển vào chi phí hoạt động trong năm	513.667.212
Kết chuyển giảm khác	
Số dư cuối kỳ	494.194.367

Đầu tư vào công ty con và các công ty liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần Liên doanh Lili of France	117.713.760.621	117.713.760.621
Công ty TNHH MTV DP Viễn Đông, HNội	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH MTV DP Viễn Đông, Đà Nẵng	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP DP Savipham	36.586.060.000	
TỔNG CỘNG	184.299.820.621	147.713.760.621

4.10 Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc Tế Viễn Đông	50.625.186.727	13.018.170.587
Công ty TNHH Phát Triển TM KT Hoàn Thiện	94.275.859.706	11.571.132.014
Các khách hàng khác	218.046.459	65.090.466
Cộng	145.119.092.892	24.654.393.067

4.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất đối với dược phẩm, dược liệu là 5%; đối với các sản phẩm là mỹ phẩm làm đẹp là 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh 5.9.

Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp trong năm được trình bày tại thuyết minh số 5.9.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Việc xác định thuế phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

BÁO CÁO CÔNG TY MẸ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****4.12 Phải trả người lao động**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương	288.810.526	574.720.000
Cộng	288.810.526	574.720.000

4.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, KPCD	188.127.717	117.703.000
Cổ tức phải trả		29.775.000.000
Lê văn Dững	12.018.087.595	
Phải trả được chào bán cổ phiếu	141.800.000.000	
Khác	242.228.292	1.368.859.662
Cộng	154.248.443.604	31.261.562.662

4.14 Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	89.100.000.000	18.000.000.000	10.328.104.390	117.428.104.390
Góp vốn điều lệ trong năm trước	30.000.000.000			30.000.000.000
Phát sinh tăng trong năm trước		201.440.000.000	89.511.496.164	290.951.496.164
Phát sinh giảm trong năm trước			(39.737.823.013)	(37.737.823.013)
Số dư cuối năm trước	119.100.000.000	219.440.000.000	60.101.777.541	398.641.777.541
Số dư đầu năm nay	119.100.000.000	219.440.000.000	60.101.777.541	398.641.777.541
Phát sinh tăng trong năm nay			72.974.135.566	72.974.135.566
Phát sinh giảm trong năm nay				
Số dư cuối kỳ này	119.100.000.000	219.440.000.000	133.075.913.107	471.615.913.107

Toàn bộ vốn đầu tư là của Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông. Vốn điều lệ đã góp đủ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 119.100.000.000VND.

Ngày 16 tháng 09 năm 2010, công ty đăng ký tăng vốn điều lệ lên 190.000.000.000VND và phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng. Nhưng đợt phát hành đã bị UBCK nhà nước ra lệnh hủy bỏ đợt chào bán vào ngày 18/01/2011

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM VIÊN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

BÁO CÁO CÔNG TY MẸ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Số cuối kỳ	Năm trước
Doanh thu bán dược phẩm và các hàng hóa khác	852.840.482.563	613.365.327.859
Các khoản giảm trừ doanh thu	4.674.286.250	3.587.845.442
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	848.166.196.313	609.777.482.417

5.2 Giá vốn hàng bán

	Số cuối kỳ	Năm trước
Giá vốn dược phẩm và các hàng hóa khác	618.877.750.961	464.822.505.860
Cộng	618.877.750.961	464.822.505.860

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Số cuối kỳ	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	885.233.408	317.272.484
Cộng	885.233.408	317.272.484

5.4 Chi phí tài chính

	Số cuối kỳ	Năm trước
Chi phí lãi vay	64.375.222.959	8.687.698.540
Chi phí khác	488.597.350	
Cộng	64.863.820.309	8.687.698.540

5.5 Chi phí bán hàng

	Số cuối kỳ	Năm trước
Chi phí bán hàng	13.362.792.035	9.650.753.722
Cộng	13.362.792.035	9.650.753.722

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Năm trước
Chi phí quản lý doanh nghiệp	48.890.792.991	17.786.470.300
Cộng	48.890.792.991	17.786.470.300

5.7 Thu nhập khác

	Số cuối kỳ	Năm trước
Các khoản thu nhập khác	27.456.898	204.972.578
Cộng	27.456.898	204.972.578

5.8 Chi phí khác

	Số cuối kỳ	Năm trước
Các khoản chi phí khác	13.792.455	1.754.113.526
Cộng	13.792.455	1.754.113.526

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM VIÊN ĐÔNG

Địa chỉ: 411 Huỳnh Văn Bánh, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

BÁO CÁO CÔNG TY MẸ**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Số cuối kỳ	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	103.069.937.868	107.598.185.531
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		0
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Tổng thu nhập chịu thuế	103.069.937.868	107.598.185.531
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	30.375.875.073	18.253.976.189
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.375.875.073	18.253.976.189

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tp.HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Thị Thanh Huế*